

Bản án số: 96/2017/ HNGĐ-ST

Ngày: 12/12/2017

V/v: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân : 1. Ông Trần Văn Hưng

2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 448/2017/ TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2017, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 235/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Trần Thị Quỳnh T, sinh năm: 1991(có mặt)

Địa chỉ: Số 2/78C, Đình Tiên Hoàng, phường 8, thành phố L, tỉnh L.

2.Bị đơn: Nguyễn Thành P, sinh năm: 1991(có mặt)

Địa chỉ: Số 90/7, khóm 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Quỳnh T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Qua quen biết chị và anh Nguyễn Thành P tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 25/6/2016, nhưng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới chị sống với gia đình anh P. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp, từ tháng 8/2017 chị về

nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh P.

-Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Chị cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân. Nếu có chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

-*Bị đơn anh Nguyễn Thành P trình bày:* Qua quen biết anh và chị Trần Thị Quỳnh T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 25/6/2016, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được. Tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

-Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

-Về nợ chung: Anh cam kết không có thiếu nợ ai trong thời kỳ hôn nhân. Nếu có anh cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

****Tại phiên Tòa các đương sự trình bày:***

-Chị T trình bày: Trong cuộc sống chị và anh P có nhiều chuyện không hiểu nhau, dẫn đến có nhiều mâu thuẫn, anh P không quan tâm và dành thời gian cho chị, sống cùng gia đình bên chồng, chị và gia đình bên chồng cũng không hòa hợp. Chị và anh P ly thân nhiều tháng nay, khi về nhà mẹ ruột ở, anh P và gia đình bên chồng có kêu chị về, nhưng chị không đồng ý. Hiện tại mẹ ruột của chị sống một mình không ai chăm sóc, chị về chăm sóc thì gia đình chồng không đồng ý, từ đó dẫn đến mâu thuẫn.

-Anh P trình bày: Hiện tại anh vừa đi làm vừa đi học nên không có thời gian dành nhiều cho chị T. Gia đình anh cũng tạo điều kiện để cho chị T về nhà thăm mẹ, nhưng chị T không hiểu. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn, mấy tháng nay chị T về nhà mẹ ruột ở. Anh có yêu cầu chị T về để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng chị T không đồng ý. Ý kiến của anh là đồng ý ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu xin ly hôn với anh P. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1]. Chị T và anh P tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 25/6/2016 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[1.2]. Hôn nhân là phải trên cơ sở tự nguyện. Mục đích hôn nhân là đem lại hạnh phúc cho nhau, cùng nhau chung sống, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, vun vén cho hạnh phúc gia đình. Trong thời gian chung sống, chị T và anh P thừa nhận là có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, xuất phát từ việc chị T và anh P không hiểu nhau, sống cùng gia đình anh P, nhưng giữa chị T và gia đình anh P cũng có nhiều điểm không hòa hợp. Hiện tại chị T và anh P cũng không còn chung sống với nhau, chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với anh P, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T và anh P cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Nhưng do chị T và anh P không đăng ký kết hôn nên không công nhận chị T và anh P là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Không có, chị T và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Chị T và anh P tự thỏa thuận, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Chị T và anh P khai không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Nếu có anh chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận chị Trần Thị Quỳnh T và anh Nguyễn Thành P là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có, chị T và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, chị T và anh P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị T và anh P khai không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nếu có anh chị cam kết trả nợ theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị T tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001069 ngày 03/11/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng